

Bản án số: 599/2017/HS-PT
Ngày 20-11-2011

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình.

Ông Đặng Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 460/2017/TLPT-HS ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2017/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Lê Văn T (T D) sinh năm 1983 tại Bình Thuận; nơi đăng ký thường trú: phường K, thành phố L, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: phường M, thành phố L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1956; sống như vợ chồng với bà Trần Thị B, sinh năm 1983; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 25/02/2017 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn B là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư P - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- Bị hại: Ông Trần Văn T2 (C) sinh năm 1977 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1/ Cụ Trần Thị N sinh năm 1935; cư trú tại: phường M, thành phố L, tỉnh Bình Thuận; là mẹ của bị hại (có mặt).

2/ Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1995; cư trú tại: phường N, thành phố O, tỉnh Ninh Thuận là con của bị hại (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thị B sinh năm 1983; cư trú tại: phường M, thành phố L, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị G sinh năm 1969 (có mặt).

Ngoài ra, còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị; không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 24/02/2017, sau khi uống rượu, bị cáo Lê Văn T đi tìm bà Trần Thị B là người sống chung như vợ chồng với mình để về lo cơm nước. Khi đến nhà ông Trần Văn T2 là anh ruột của bà B ở phường M, thành phố L, tỉnh Bình Thuận thì không có ai ở nhà. Bị cáo T lấy một con dao Thái Lan (dài 21,9 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 10,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng mũi nhọn dài 11,4 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 1,8 cm) trên thùng phi gần bếp nhà ông T2, cầm dao bằng tay phải, để cán dao trong lòng bàn tay còn lưỡi dao dọc theo cẳng tay phải rồi sang nhà cụ Trần Thị N (cách nhà ông T2 khoảng 50m) để tìm bà B.

Đến nhà cụ N, thấy bà B đang bế con thì bị cáo T chửi bà B đồng thời vung tay đánh. Bà B ôm con bỏ chạy. Ông Huỳnh Minh T1 là anh rể của bà B đang đứng ở hiên nhà sát nhà cụ N phản đối bị cáo T đánh bà B thì bị cáo đến đâm ông T1, bị ông T1 dùng tay đẩy ra làm bị cáo lao đảo nhưng không ngã. Ông T2 đang ngồi uống rượu trên bộ ván, có lời bênh em gái nên bị cáo T đến chỗ ông T2 hỏi “*Mày nữa hả Cu?*”. Ông T2 hỏi lại “*Cái gì nữa mày?*” thì bị cáo T cầm dao bằng tay phải đâm một nhát vào vùng vai cổ trái của ông T2. Bà Trần Thị G là vợ của ông T1 và là chị ông T2 can ngăn, ôm ngang bụng bị cáo T để ông T1 tước dao trên tay bị cáo rồi thả ra. Bị cáo T tiếp tục lấy dao Thái Lan dài khoảng 20 cm để trên thành hồ nước gần đó giấu vào lưng quần. Ông T1 phát hiện, tiếp tục tước dao, bỏ hai con dao vào xô nhựa đặt trên lu đựng nước bên hông nhà vệ sinh. Sau đó, ông T2 chết trên đường đi cấp cứu.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 85/2017/KN-TT ngày 23/3/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận: Các dấu vết, tổn thương cơ học trên cơ thể ông Trần Văn T2 được ghi nhận ở phần khám ngoài: Vết thương bờ mép gọn vùng vai cổ trái thấu vùng cổ ngực do tác động vật sắc nhọn hướng từ trên xuống, từ trái qua phải; hai vết thương nông, bờ mép gọn ngang bờ quay cổ tay phải và cổ tay trái do can thiệp chuyên môn y tế. Nguyên nhân chết: Choáng mất máu cấp do vết thương vùng vai cổ trái thấu cổ ngực làm đứt lìa thân động mạch dưới xương đòn trái do tác động vật sắc nhọn từ trên xuống, từ trái qua phải trên cơ địa xơ phổi, xơ vữa hệ thống mạch, viêm gan vi rút mãn,

thoái hóa mỡ tế bào gan.

Tại Kết luận giám định số 924/C54B ngày 18/4/2017, Phân Viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trên con dao số 01, chất màu nâu đỏ thu tại hiện trường, chiếc quần và chiếc áo khoác gửi giám định có dính máu người; phân tích ADN từ các mẫu này cho cùng một kiểu gen nam giới hoàn chỉnh và trùng với kiểu gen của nạn nhân Trần Văn T2. Không phát hiện tế bào người trên con dao số 02 gửi giám định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T (T D) phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Văn T tù Chung thân; Thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2017, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án sơ thẩm quá nặng và nhiều lần bị cáo bị nạn nhân ức hiếp nên không kìm chế được.

Ngày 03/8/2017, anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn T vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và có 4 con còn nhỏ (lớn nhất 5 tuổi, nhỏ nhất mới sinh 10 ngày tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/8/2017). Trong đơn kháng cáo, ngoài chữ ký của anh Nguyễn Văn Đ còn có dấu vân tay của cụ Trần Thị N, chữ ký của các bà Trần Thị B và Trần Thị G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xin giảm hình phạt vì có con mới sinh.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo của các bị cáo như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo tù chung thân là có căn cứ, nghiêm minh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày ý kiến như sau: Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có 4 con còn nhỏ trong đó có con mới sinh, đã bồi thường 13 triệu đồng và được bị hại bãi nại, được toàn bộ gia đình bị hại xin giảm hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cụ N là đại diện hợp pháp của bị hại, có quyền lợi thống nhất với anh Đ. Bà B là em ruột của bị hại, người sống chung như vợ chồng với bị cáo, tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Trần Thị G là người làm chứng trong vụ án. Theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, anh Đ và cụ N được quyền kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm; bà B được quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, không được kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo; bà G không có quyền kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét yêu cầu kháng cáo của anh Đ và cụ N.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tiến hành tổng đạt Bản án sơ thẩm và Thông báo kháng cáo cho anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn Đ đang chấp hành án phạt tù. Các biên bản giao nhận Bản án sơ thẩm và Thông báo kháng cáo do Trại giam Sông Cánh - Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Bộ Công an chuyển Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận ngày 13/9/2017 thể hiện: Anh T3 từ chối ký nhận 02 văn bản với lý do anh không có cha tên là Trần Văn T2, anh Đ nhận và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định anh T3 đã từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, không có ý kiến đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và kháng cáo của những người tham gia tố tụng khác, từ bỏ quyền kháng cáo của mình.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội “Giết người” như Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định.

[4] Hành vi của bị cáo T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng và sức khỏe của người khác, gây đau thương cho gia đình nạn nhân, làm mất trật tự trị an xã hội, thể hiện rõ tính chất côn đồ của bị cáo. Sau khi đã uống rượu, bị cáo đi tìm bà B là người sống chung như vợ chồng với mình về nấu cơm, chửi và đòi đánh bà B khi gặp bà B đang bế con rồi dùng dao lấy ở nhà ông T2 (trên đường đi) đâm ông T1 khi ông này bênh vực bà B. Bị cáo không đâm trúng ông T1 là ngoài ý muốn của bị cáo. Ông T2 là anh ruột bà B, chỉ lên tiếng can ngăn bị cáo đánh bà B, không ức hiếp bị cáo hay có hành động gì khác kích động bị cáo nhưng bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm tước đoạt mạng sống của ông T2 bằng một nhát đâm thấu cổ, ngực là vùng trọng yếu của cơ thể, gây đứt lìa thân động mạch dưới xương đòn trái, làm ông T2 chết vì choáng mất máu cấp. Khi đã bị tước dao, bị cáo tiếp tục lấy một con dao khác giấu vào lưng quần nhưng ông T1 đã kịp thời tước dao lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 1

Điều 93 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất là tử hình mà chỉ phạt bị cáo hình phạt tù chung thân về tội “Giết người” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân nhân bị cáo.

[6] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại, Luật sư và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với các lý do: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, bị cáo đã nhận ra sai phạm, thành thật, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có 4 con còn nhỏ trong đó có con mới sinh, đã bồi thường cho đại diện bị hại, được gia đình bị hại xin giảm hình phạt. Những tình tiết: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chấp nhận. Như đã phân tích trên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là không nặng, nếu xem xét thêm các tình tiết bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 04 con nhỏ trong đó có con mới sinh, đã bồi thường cho đại diện bị hại, được gia đình bị hại xin giảm hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không thể giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và lời bào chữa của Luật sư.

[7] Hội đồng xét xử phúc thẩm không ghi nhận việc bị cáo có con thứ 4 vào phần lý lịch bị cáo trong Bản án phúc thẩm vì không nhận được giấy khai sinh của trẻ.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này; kháng cáo của bị cáo T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 241 và Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T (T D) phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Lê Văn T tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2017.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận (1);
- Công an tỉnh Bình Thuận (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận (1);
- Những người tham gia tố tụng (6) (Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận tổng đạt cho bị cáo);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận (1);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú và tạm trú thay văn bản thông báo (2);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), HTKN, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh